

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 16/2021/HSST

Ngày: 04/02/2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mai Trung**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Lê Đức Dũng**

2/ Bà **Lại Thị Thúy Hằng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thái Thị Vân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C M tham gia phiên tòa: Ông **Trần Văn Sơn** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 78/2020/TLST - HS ngày 29/12/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST - HS ngày 22/01/2021 đối với bị cáo:

Trần Trọng C, sinh năm 1987, tại ND; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 9, xã SR, huyện CM, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: sống lang thang không nơi cư trú ổn định. Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 9/12; con ông: Trần Trọng C1, sinh năm: 1956 (còn sống) và bà Phạm Thị T, sinh năm 1954 (còn sống); có vợ tên Phạm Thị C2, sinh năm 1990 và có 01 người con sinh năm 2014; tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 15/7/2020, bị Chủ tịch UBND xã SR, huyện CM quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã; cai nghiện tại gia đình và cộng đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với thời hạn là 06 tháng. Bị cáo chưa chấp hành xong.

- Nhân thân:

+ Ngày 15/3/2012, bị Công an huyện CM xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

+ Ngày 28/10/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố BH xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999. Hiện đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ và tạm giam từ ngày 12/9/2020 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: cháu Bùi Thị Ngọc T1, sinh ngày 10/10/2005

Địa chỉ: ấp 1, xã SR, huyện CM, tỉnh Đồng Nai do anh Bùi Ngọc M, sinh năm 1991, địa chỉ: ấp 1, xã SR, huyện CM, tỉnh Đồng Nai làm đại diện hợp pháp cho cháu T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Trọng C là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, không có nơi ở ổn định.

Khoảng 11 giờ ngày 04/9/2020, bị cáo đi bộ ngang qua nhà anh Phùng Anh C3 tại ấp 9, SR, huyện CM, tỉnh Đồng Nai thì phát hiện cổng nhà anh C3 không khóa, trong sân nhà có dựng 01 xe đạp điện hiệu Bomelli, màu đen trắng, trong giỏ xe có để 01 ba lô màu đen của cháu Bùi Thị Ngọc T1, sinh năm: 2005, thường trú tại ấp 1, SR, huyện CM, tỉnh Đồng Nai là bạn của con gái anh C3 đến chơi nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Bị cáo đi bộ vào sân thấy trên xe có cắm sẵn chìa khóa nên ngồi lên xe điều khiển chạy đi. Trên đường đi bị cáo dừng lại mở ba lô kiểm tra thì thấy bên trong có 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu bạc và số tiền 1.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo điều khiển xe đạp điện đến nhà của Phạm Văn T2 tại ấp 8, xã XT, huyện CM. Khi gặp T2, bị cáo nói cho T2 biết đây là xe đạp điện do C trộm cắp mà có và hỏi T2 biết chỗ nào mua xe không. T2 nói với bị cáo phải sơn lại xe để tránh bị phát hiện rồi sẽ đi tiêu thụ sau. Sau đó, T2 đi mua 01 bình sơn xịt nhãn hiệu WIN, màu sơn APPLE GREEN để sơn lại xe đạp điện mà bị cáo đã trộm cắp được.

Sau khi phát hiện xe bị mất cháu T1 cùng với anh Bùi Ngọc M (là chú của T1) đi tìm. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, khi T1 và anh M đến nhà T2 thì thấy xe đạp điện của T1 tại nhà T2. Lúc này, bị cáo cũng có mặt nên đã thừa nhận là đã lấy trộm tài sản của T1. Bị cáo trả lại xe đạp điện, ba lô, điện thoại di động và 500.000 đồng cho T1, còn 500.000 đồng bị cáo đã tiêu xài hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 29/KL-HĐĐG ngày 14/9/2020, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện CM kết luận: 01 xe đạp điện hiệu Bomelli, màu đen trắng có giá trị: 8.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu bạc có giá trị: 1.600.000 đồng; 01 ba lô màu đen không định giá trị vì không nhớ thời điểm mua và giá mua. Tổng giá trị tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt là 9.600.000 đồng.

Vật chứng vụ án:

- 01 xe đạp điện hiệu Bomelli, màu sơn xanh lá; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu bạc; 01 ba lô màu đen, kích thước: ngang 30 cm, cao 35cm, rộng 05cm; 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng đã trả lại cho Bùi Thị Ngọc T1.

- 01 bình sơn xịt nhãn hiệu WIN, màu sơn xanh lá, hình trụ cao 19cm, đường kính mặt đáy 6,5cm.

Về trách nhiệm dân sự: Bùi Thị Ngọc T1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường nhưng chưa thực hiện bồi thường số tiền trên.

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKSCM ngày 28/12/2020, Viện Kiểm sát nhân huyện CM đã truy tố bị cáo Trần Trọng C về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh nêu trên và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trần Trọng C mức án từ 10 đến 14 tháng tù; về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo phải bồi thường cho cháu Bùi Thị Ngọc T1 1.000.000 đồng; về vật chứng vụ án: tịch thu tiêu hủy 01 bình sơn xịt nhãn hiệu WIN, màu sơn xanh lá, hình trụ cao 19cm, đường kính mặt đáy 6,5cm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện CM, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Trọng C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ ngày 04/9/2020 bị cáo có hành vi lén lút lấy trộm 01 xe đạp điện hiệu Bomelli và 01 ba lô màu đen bên trong có: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu bạc và 1.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 10.600.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt tài sản, bị cáo điều khiển xe đến nhà Phạm Văn T2 và nói cho T2 biết xe này bị cáo vừa mới chiếm đoạt được và kêu T2 tìm nơi tiêu thụ. T2 đồng ý và nói với bị cáo là phải sơn lại xe để khỏi bị phát hiện. Thực hiện ý định trên, T2 đã đi mua 01 bình sơn xịt nhãn hiệu WIN, màu sơn xanh lá về sơn lại xe chờ tìm chỗ tiêu thụ thì bị bắt giữ. Do đó, hành vi của bị cáo C đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét hành vi của bị cáo nhận thấy: Bị cáo là công dân đã trưởng thành, đã bị Tòa án xét xử về hành vi trộm cắp tài sản và đang chấp hành biện pháp giáo dục tại xã nhưng bị cáo không lo tu chí, rèn luyện bản thân, mà để có tiền sử dụng ma túy bị cáo đã chiếm đoạt tài sản hợp pháp của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có cha ruột là ông Trần Trọng C1 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

Từ những nhận xét và đánh giá hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xét thấy cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo bị cáo thành công dân tốt và phòng ngừa chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- Cháu Bùi Thị Ngọc T1 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 500.000 đồng và bồi thường tiền sơn lại xe là 500.000 đồng và tại phiên tòa bị cáo đồng ý trả cho cháu T1. Do đó, buộc bị cáo phải trả cho cháu T1 1.000.000 đồng.

[5] Về vật chứng:

- 01 xe đạp điện hiệu Bomelli, màu sơn xanh lá; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu bạc; 01 ba lô màu đen, kích thước: ngang 30 cm, cao 35cm, rộng 05cm; 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho Bùi Thị Ngọc T1 là chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp.

- 01 bình sơn xịt nhãn hiệu WIN, màu sơn xanh lá, hình trụ cao 19cm, đường kính mặt đáy 6,5cm là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Đối với Phạm Văn T2 hiện nay đã bỏ trốn nên Cơ quan điều tra Công an huyện CM tiếp tục điều tra xử lý sau là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm.

[8] Xét quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân huyện CM phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Trọng Chinh phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Trọng C** 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ và tạm giam 12/9/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo Trần Trọng C có nghĩa vụ bồi thường cho cháu Bùi Thị Ngọc T1 số tiền 1.000.000 (*Một triệu*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm ngàn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể, từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Công an huyện CM;
- VKSND huyện CM;
- THADS huyện CM;
- Hồ sơ thi hành án;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai Trung